

4
200 2 8 2006
ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **301**/2006/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **27** tháng **11** năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển

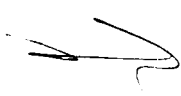
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

- Căn cứ Nghị định 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;
- Căn cứ Văn bản số 1062/TTg-ĐP ngày 01/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Tiêu chí, tổ chức xét duyệt và quyết định công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;
- Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh và đề nghị của Hội đồng xét duyệt phân định vùng dân tộc thiểu và miền núi theo trình độ phát triển Trung ương;


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các xã thuộc 3 khu vực và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển là căn cứ thực hiện các chính sách đầu tư phát triển kinh tế – xã hội, phù hợp với trình độ phát triển của từng khu vực.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh; thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSDT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Ksor Phước

**UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN DÂN TỘC**

Số: 02 /SY-VP

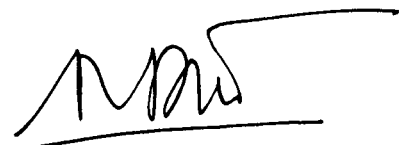
SAO Y BẢN CHÍNH

Bắc Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2009

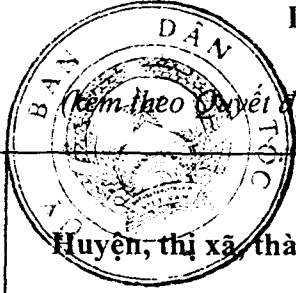
Nơi nhận:

- Lãnh đạo Ban;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Phòng PNV các huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Ban;
- Lưu VT.

**TL. TRƯỞNG BAN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Trung Kiên



DANH SÁCH XÃ THUỘC 3 KHU VỰC
TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2006)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK	Xã, phường, thị trấn.
	Toàn tỉnh	167	254	
	Khu vực I	84		
	Khu vực II	55	97	
	Khu vực III	28	157	
I	HUYỆN SƠN ĐỘNG			
1		I		Thị trấn An Châu
2		II	3	Xã Yên Định
3		II	6	Xã Thanh Sơn
4		II	2	Xã Bồng Am
5		II	5	Xã Tuấn Đạo
6		II	5	Xã An Lập
7		II	3	Xã Long Sơn
8		II	4	Xã An Châu
9		III	6	Xã Phúc Thắng
10		III	5	Xã Vĩnh Khương
11		III	8	Xã Lệ Viễn
12		III	4	Xã An Bá
13		III	4	Xã Chiên Sơn
14		III	4	Xã Cẩm Đàn
15		III	4	Xã Hữu Sản
16		III	7	Xã An Lạc
17		III	8	Xã Dương Hưu
18		III	5	Xã Giáo Liêm
19		III	5	Xã Văn Sơn
20		III	2	Xã Thạch Sơn
21		III	3	Xã Thanh Luận
22		III	8	Xã Quế Sơn
II	HUYỆN LỤC NGẠN			
1		I		Xã Trù Hựu
2		I		Xã Phượng Sơn
3		I		Xã Hồng Giang
4		I		Xã Quý Sơn
5		I		Xã Tân Quang
6		I		Xã Nghĩa Hồ
7		I		Thị trấn Chũ

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK	Xã, phường, thị trấn.
8		II	2	Xã Biên Sơn
9		II	3	Xã Kiên Lao
10		II	3	Xã Đông Cốc
11		II	4	Xã Tân Hoa
12		II	5	Xã Tân Lập
13		II	2	Xã Biển Động
14		II	1	Xã Phi Diễn
15		II		Xã Mỹ An
16		II	2	Xã Kiên Thành
17		II	1	Xã Thanh Hải
18		II		Xã Nam Dương
19		II	3	Xã Giáp Sơn
20		III	5	Xã Cẩm Sơn
21		III	7	Xã Phong Vân
22		III	13	Xã Tân Sơn
23		III	4	Xã Phong Minh
24		III	8	Xã Hộ Đáp
25		III	7	Xã Xa Lý
26		III	4	Xã Sơn Hải
27		III	5	Xã Kim Sơn
28		III	6	Xã Đèo Gia
III	HUYỆN LỤC NAM			
1		I		Xã Phương Sơn
2		I		Xã Tiên Hưng
3		I		TT. Đồi Ngô
4		II	8	Xã Nghĩa Phương
5		II		Xã Cương Sơn
6		II	3	Xã Huyền Sơn
7		II	6	Xã Đông Hưng
8		II	3	Xã Đông Phú
9		II		Xã Tiên Nha
10		II	4	Xã Tam Di
11		II	3	Xã Bảo Sơn
12		II		Xã Khám Lạng
13		II		Xã Bắc Lũng
14		II		Xã Yên Sơn
15		II		Xã Lan Mẫu
16		II		Xã Thanh Lâm
17		II		Xã Cẩm Lý

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK	Xã, phường, thị trấn.
18		II		Xã Vũ Xá
19		II		Xã Đan Hội
20		II		Xã Bảo Đài
21		II		Xã Chu Điện
22		III	6	Xã Bình Sơn
23		III	1	Xã Trường Giang
24		III	5	Xã Vô Tranh
25		III	5	Xã Trường Sơn
26		III	8	Xã Lục Sơn
IV	HUYỆN YÊN THẾ			
1		I		Xã Đồng Kỳ
2		I		Xã Hương Vỹ
3		I		TT Cầu Gò
4		I		Xã Phồn Xương
5		I		Xã Tân Sỏi
6		I		Xã Bồ Hạ
7		II	4	Xã Đồng Hưu
8		II	2	Xã Canh Nậu
9		II	3	Xã Tam Hiệp
10		II	1	Xã Đông Sơn
11		II		Xã Tân Hiệp
12		II		Xã An Thượng
13		II	1	Xã Đồng Vương
14		II		Xã Xuân Lương
15		II	2	Xã Tiến Thắng
16		II	2	Xã Tam Tiến
17		II	1	Xã Đồng Tiến
18		II		Xã Hồng Kỳ
19		II		Xã Đồng Lạc
V	HUYỆN TÂN YÊN			
1		I		Xã Liên Chung
2		I		Xã Lan Giới
3		I		Xã Lam Cốt
4		I		Xã Việt Lập
5		I		Xã Song Vân
6		I		Xã Hợp Đức
7		I		Xã Tân Trung
8		I		Xã Liên Sơn
9		I		Xã Phúc Hoà

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã thuộc khu vực	Số thôn ĐBK	Xã, phường, thị trấn.
10		I		Xã Cao Xá
11		I		Xã Nhã Nam
12		I		Xã An Dương
13		I		Xã Quang Tiến
14		I		Xã Đại Hoá
16		I		Xã Phúc Sơn
16		I		Xã Việt Ngọc
17		I		Xã Ngọc Châu
18		I		Xã Ngọc Vân
VI	HUYỆN LANG GIANG			
1		I		Xã Dương Đức
2		I		Xã Tiên Lục
3		I		Xã Xương Lâm
4		I		Xã Nghĩa Hoà
5		I		Xã Tân Thịnh
6		I		Xã An Hà
7		I		Xã Đào Mỹ
8		I		Xã Mỹ Hà
9		I		Xã Mỹ Thái
10		I		Xã Xuân Hương
11		I		Xã Đại Lâm
12		I		Xã Thái Đào
13		I		Xã Dĩnh Trì
14		I		Xã Tân Dĩnh
15		I		Xã Hương Lạc
16		I		Xã Tân Thanh
17		I		Xã Phi Mô
18		I		Xã Tân Hưng
19		I		Xã Yên Mỹ
20		II		Xã Hương Sơn
21		II		Xã Quang Thịnh
22		II		Xã Nghĩa Hưng
VII	HUYỆN YÊN DŨNG			
1		I		Xã Nội Hoàng
2		I		Xã Tiên Phong
3		I		Xã Nham Sơn
4		I		Xã Đồng Sơn
5		I		Xã Đồng Việt
6		I		Xã Lãng Sơn

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK	Xã, phường, thị trấn.
7		I		Xã Đồng Phúc
8		I		Xã Quỳnh Sơn
9		I		Xã Tân An
10		I		Xã Hương Gián
11		I		Xã Xuân Phú
12		I		Thị trấn Neo
13		I		Xã Yên Lư
14		I		Xã Trí Yên
15		II		Xã Lão Hộ
16		II		Xã Tân Liễu
II	HUYỆN HIỆP HOÀ			
1		I		Xã Thanh Vân
2		I		Xã Hoàng An
3		I		Xã Hùng Sơn
4		I		Xã Hoàng Thanh
5		I		Xã Lương Phong
6		I		Thường Thắng
7		I		Xã Ngọc Sơn
8		I		Xã Đồng Tân
9		I		Xã Hoà Sơn
10		I		Xã Thái Sơn
11		I		Xã Hoàng Vân
IX	HUYỆN VIỆT YÊN			
1		I		Xã Thượng Lan
2		I		Xã Minh Đức
3		I		Xã Trung Sơn
4		I		Xã Nghĩa Trung
5		I		Xã Tiên Sơn





**DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
TỈNH BẮC GIANG**

(kèm theo Quyết định số 391 /2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2006)

TT	Tên huyện, xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
	Toàn tỉnh	634	254
I	Huyện Sơn Động	165	101
1	Xã An Lập	9	5
			Han 2
			Làng Trẽ
			Mo Reo
			Mặn
			Mật
2	Xã Lê Viên	9	8
			Thia
			Tu Nim
			Lạnh
			Cướm
			Mo Luông
			Lọ
			Nà Cái
			Thanh Trà
3	Xã Vĩnh Khương	7	5
			Luông
			Doan
			Đồng Mặn
			Háng
			Đồng Tang
4	Xã Hữu Sản	6	4
			Sản 1
			Sản 3
			Dân 2
			Dân 3
5	Xã An Lạc	12	7
			Nà Trắng
			Nà ó
			Đồng Bài
			Thôn Thác
			Đồng Khao
			Đồng Dương
			Cò Noọc
6	Xã Bông Am	4	2
			Am
			Mùng

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
7	Xã Dương Hưu	12	8
			Mùng
			Bán
			Đại Dương
			Rạng Đông
			Khe Khuôi
			Đồng Làng
			Đồng Riều
			Thán
8	Xã Long Sơn	7	3
			Điều
			Bầu
			Đặng
9	Xã Thanh Sơn	9	6
			Đồng Thông
			Mậu
			Thanh Chung
			Đồng Giang
			Néo
			Nòn
10	Xã Tuấn Đạo	15	5
			Nghèo
			Đào Tuấn
			Bảo Tuấn
			Đồng Tuấn
			Lăn Chè
11	Xã Cẩm Đàn	7	4
			Đồng Bư
			Răng
			Ao Giang
			Rộc Nảy
12	Giáo Liêm	7	5
			Gốc Sau
			Đồng Đông
			Đồng Cún
			Việt Ngoài
			Việt Trong
13	Xã Chiên Sơn	5	4
			Đồng Bang
			Đồng Chanh
			Khuôn Ngoát
			Tân Quang

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
14	Xã Quế Sơn	12	8
			Gốc Lâm
			Ghè
			Mìn
			Khuân Hoàng
			Đông Cây
			Nà Làng
			Khang
			Sỏi
15	Xã Phúc Thắng	10	6
			Suối Hấu 1
			Suối Hấu 2
			Trạng
			ó
			Đân
			Rọi
16	Xã Thạch Sơn	3	2
			Đông Cao
			Đông Băm
17	Xã Thanh Luận	5	3
			Rón
			Gà
			Náng
18	Xã Vân Sơn	7	5
			Nà Vàng
			Gà
			Khả
			Khe Dín
			Nà Hin
19	Xã An Châu	7	4
			Thôn Lừa
			Mỏ
			Ké
			Phe
20	Xã An Bá	6	4
			Lái
			Dầu
			Tàn
			An Bá
21	Xã Yên Định	6	3
			Đông Hà
			Khe Tấu
			Tiên Lý

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
II	Huyện Lục Ngạn	212	85
1	Xã Kim Sơn	6	5
			Đồng Răng
			Đồng Láy
			Đồng Đèo
			Tân Lập
			Đồng Phúc
2	Xã Phong Minh	5	4
			Sưởi Đáy
			Na Lang
			Làng Nũn
			Làng Giàng
3	Xã Sơn Hải	5	4
			Tam Chẽ
			Đáp
			Câu Sắt
			Cổ Vài
4	Xã Cẩm Sơn	6	5
			Hoạ
			Bả
			Ao Vương
			Cám
			Châm Khon
5	Xã Xa Lý	8	7
			Răng Trong
			Răng Ngoài
			Làng Trạm
			Làng Đồn
			Làng Đảng
			Làng Mông
			Làng Xé
6	Xã Hộ Đáp	10	8
			Đồng Phai
			Khuân Trắng
			Héo B
			Khuân Nghiêu
			Cái Cạn 1
			Héo A
			Khuân Lang
			Na Hem
7	Xã Đèo Gia	7	6

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
			Cống Luộc
			Đèo Gia
			Xạ Nhỏ
			Thung
			Ruồng
			Xạ To
8	Xã Tân Sơn	14	13
			Bắc Hoa
			Khuôn Tỏ
			Khuôn Kén
			Khuôn Phải
			Mấn
			Mông B
			Đông Dau
			Khuôn So
			Thác Lười
			Mông A
			Thôn Hà
			Thôn Hoá
			Nà Duông
9	Xã Phong Vân	9	7
			Đèo Chũ
			Làng Rì
			Suối Chạc
			Vựa Ngoài
			Vựa Trong
			Câu Nhạc
			Cống Lâu
10	Xã Tân Lập	19	5
			Đồng Láy
			Khuôn Vố
			Đồng Con 2
			Hoà Trong
			Tân Thịnh
11	Xã Kiên Thành	26	2
			Cai Lế
			Đèo Cạn
12	Xã Biên Sơn	20	2
			Trại Bấu
			Dọc Đình
13	Xã Tân Hoa	13	4
			Xóm Cũ

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
			Khuân Lương
			Thanh Văn 2
			Xóm Đá
14	Xã Giáp Sơn	11	3
			Độc Mừng
			Chảo Cũ
			Chảo Mới
15	Xã Kiên Lao	10	3
			Hố Bông
			Nóng
			Khuôn Thân
16	Xã Đông Cốc	13	3
			Phúc Kiến
			Du
			Thượng B
17	Xã Biển Động	10	2
			Quéo
			Khuyên
18	Xã Thanh Hải	39	1
			Vàng 2
19	Xã Phi Điền	4	1
			Chay
III	Huyện Lục Nam	166	52
1	Xã Lục Sơn	17	8
			Bãi Đá
			Thôn Hồng
			Rừng Long
			Khe Nghè
			Đám Trì
			Vân Non
			Gốc Dẻ
			Trại Cao
2	Xã Bình Sơn	16	6
			Bãi Dạn
			Cầu Bình
			Đồng Xung
			Tân Mộc
			Tân Bình
			Nghè Mản
3	Xã Trường Sơn	11	5
			Nhân Lý
			Thôn Chẽ

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
			Tân Thành
			Trại Cầu
			Vua Bà
4	Xã Vô Tranh	14	5
			Quàng Hải - Hồ
			Trại Lán
			Đồng Quân
			Mỏ Sẻ
			Đồng Mạ
5	Xã Trường Giang	2	1
			An Phúc
6	Xã Nghĩa Phương	25	8
			Cổng Xanh
			Ba Gò
			Đồng Man
			Suối Ván
			Bãi Ô
			Hố Nước
			Hố Sâu
			Mương Làng
7	Xã Huyền Sơn	15	3
			Bãi Dài
			Thôn Nghè
			Thôn Khuyên
8	Xã Đông Hưng	20	6
			Đồng Xung-Cai Vàng
			Đồng Việt-Am Sang
			Trại Cống
			Đồng Dầu
			Ruộng I-Đôi Thông
			Ruộng II
9	Xã Đông Phú	17	3
			Hố Nửa
			Cây Đa
			Trại Va
10	Xã Tam Di	17	4
			Trại Trâm
			Bãi Lòi
			Hố Giẻ
			Hòn Ngọc
11	Xã Bảo Sơn	12	3
			Hồ Sơn I

TT	Tên huyện,xã	Tổng số thôn trong xã	Tên thôn đặc biệt khó khăn
			Đồng Cống
			Thôn Đoái
IV	Huyện Yên Thế	91	16
1	Xã Đồng Hưu	11	4
			Trại Mới
			Đổo Sắt
			Ao Gỏo
			Mỏ Hương
2	Xã Canh Nậu	15	2
			Trại Sụng
			Gốc Dối
3	Xã Tam Hiệp	11	3
			Thộp
			Hòm
			Đồng Chủ
4	Xã Đông Sơn	13	1
			Hố Dóch
5	Xã Đông Tiến	8	1
			Cây Vối
6	Xã Tiến Tháng	9	2
			Hố Luông
			Rừng Chiềng
7	Xã Tam Tiến	15	2
			Diễn
			Bãi Lát
8	Xã Đông Vương	9	1
			Trại Tre

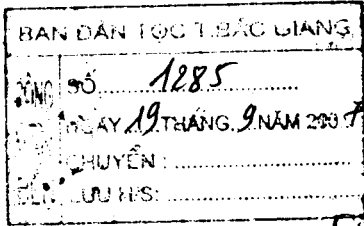


Số: 05 /2007/QĐ-UBNDT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Văn bản số 1062/TTg-ĐP ngày 01/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Tiêu chí, tổ chức xét duyệt và quyết định công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Căn cứ Văn bản số 3888/VPCP-ĐP ngày 12/7/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Hội đồng xét duyệt Trung ương về phân định vùng dân tộc thiểu và miền núi theo trình độ phát triển;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận xã thuộc 3 khu vực và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Xã thuộc 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển là căn cứ thực hiện các chính sách đầu tư phát triển kinh tế – xã hội, phù hợp với trình độ phát triển của từng khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

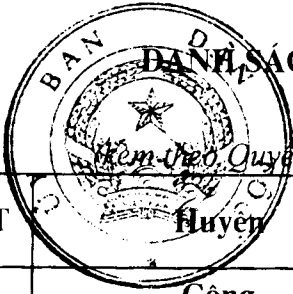
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSĐT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Giàng Seo Phử



DANH SÁCH XÃ PHÂN ĐỊNH 3 KHU VỰC TỈNH BẮC GIANG

Kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2007

TT	Huyện	Xã, phường, thị trấn.	Thuộc khu vực	Số thôn ĐBK
	Cộng		2	23
	<i>Khu vực I</i>			
	<i>Khu vực II</i>			
	<i>Khu vực III</i>		2	23
I	LỤC NGẠN			
		Phú Nhuận	III	16
		Tân Mộc	III	7



BAN DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH BẮC GIANG
(kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2007)

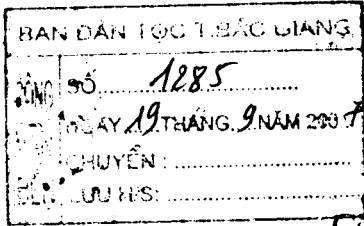
Tên huyện	Tên xã	Thôn ĐBK
Lục Ngạn		
	Tân Mộc	
		Tân Giáo
		Tân Mộc
		Tân Thành
		Hoa Quảng
		Đồng Ía
		Đồng Còng
		Đồng Bống
	Phú Nhuận	
		Hồ
		Suối Than
		Quéo
		Ván A
		Ván B
		Thuận A
		Thuận B
		Câu Vòng
		Máng(Phú Thành)
		Thích
		Thác Dèo
		Vách
		Gạo
		Khuôm A
		Bãi Nơ
		Đèo Cỏ

Số: 05 /2007/QĐ-UBNDT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Văn bản số 1062/TTg-ĐP ngày 01/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Tiêu chí, tổ chức xét duyệt và quyết định công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Căn cứ Văn bản số 3888/VPCP-ĐP ngày 12/7/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Hội đồng xét duyệt Trung ương về phân định vùng dân tộc thiểu và miền núi theo trình độ phát triển;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận xã thuộc 3 khu vực và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Xã thuộc 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển là căn cứ thực hiện các chính sách đầu tư phát triển kinh tế – xã hội, phù hợp với trình độ phát triển của từng khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

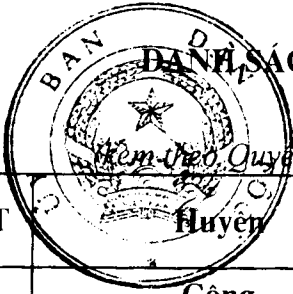
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSĐT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Giàng Seo Phử



DANH SÁCH XÃ PHÂN ĐỊNH 3 KHU VỰC TỈNH BẮC GIANG

Kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2007

TT	Huyện	Xã, phường, thị trấn.	Thuộc khu vực	Số thôn ĐBKK
	Cộng		2	23
	<i>Khu vực I</i>			
	<i>Khu vực II</i>			
	<i>Khu vực III</i>		2	23
I	LỤC NGẠN			
		Phú Nhuận	III	16
		Tân Mộc	III	7



BAN DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH BẮC GIANG
(kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2007)

Tên huyện	Tên xã	Thôn ĐBK
Lục Ngạn		
	Tân Mộc	
		Tân Giáo
		Tân Mộc
		Tân Thành
		Hoa Quảng
		Đồng Ía
		Đồng Còng
		Đồng Bồng
	Phú Nhuận	
		Hồ
		Suối Than
		Quéo
		Ván A
		Ván B
		Thuận A
		Thuận B
		Câu Vòng
		Máng(Phú Thành)
		Thích
		Thác Dèo
		Vách
		Gạo
		Khuôm A
		Bãi Nơ
		Đèo Cỏ